

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Bình Định – 2024

Số: 4494/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất);
mã ngành 8140111
(Chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 29/3/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Quy Nhơn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1816/QĐ-ĐHQN ngày 10/7/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 4205/QĐ-ĐHQN ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-ĐHQN ngày 25/7/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Danh mục thống kê đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản số 150/BB-ĐHQN ngày 17/12/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Quy Nhơn về việc thẩm định và thông qua các chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung) trình độ thạc sĩ.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung) trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất); mã ngành 8140111; chương trình đào tạo định hướng ứng dụng. Kèm theo Chương

trình đào tạo này là Bản mô tả chương trình đào tạo, Chương trình dạy học, Đề cương chi tiết các học phần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh thạc sĩ từ năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng khoa Khoa Giáo dục thể chất và Trưởng các đơn vị liên quan, giảng viên tham gia đào tạo và học viên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường và đơn vị;
- Lưu: VT, ĐTSĐH. *rb*



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
Tên tiếng Anh:	Theory and Methodology of Physical Education
Mã ngành:	8140111
Định hướng đào tạo:	Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Bình Định, 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4494/QĐ-ĐHQN ngày 19 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Physical Education
Mã ngành: 8140111
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về Giáo dục thể chất, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn GDTC có khả năng:

- Về kiến thức

PO1: Có kiến thức chung về quản trị, quản lý.

PO2: Có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực GDTC, TTTH và khoa học TDTT.

- Về kỹ năng

PO3: Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.

PO4: Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực GDTC, TTTH và khoa học TDTT.

PO5: Sử dụng ngoại ngữ tốt.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

PO6: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao.

PO7: Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất có thể:

- Cán bộ giáo viên, giảng viên giảng dạy, huấn luyện viên, nghiên cứu viên, hướng dẫn viên, cán bộ quản lý... tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu và các đơn vị khác.
- Có thể đảm nhận công tác quản lý trong các cơ quan nhà nước về thể dục thể thao hoặc các lĩnh vực khác.
- Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước về lĩnh vực giáo dục thể chất.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Về kiến thức

PLO1: Liên hệ, vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết, kiến thức chung về quản trị và quản lý vào công tác chuyên môn.

PLO2: Ứng dụng và phát triển các nguyên lý và học thuyết cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực GDTC và kiến thức liên ngành có liên quan.

3.2. Về kỹ năng

PLO3: Xây dựng và quản lý các hoạt động nội, ngoại khóa thể dục thể thao.

PLO4: Vận dụng, nghiên cứu phát triển các thành tựu của Khoa học giáo dục nói chung và Khoa học GDTC nói riêng vào thực tiễn.

PLO5: Thực hiện chương trình đào tạo, vận dụng các kiến thức lý thuyết, thực hành, nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giảng dạy, tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung học và tổ chức hoạt động ngoại khóa thể dục thể thao.

PLO6: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO7: Xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

PLO8: Hình thành năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh;
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Danh mục ngành đại học phù hợp:

STT	Mã ngành	Tên ngành Đại học
1	7140206	Giáo dục thể chất
2	7810302	Huấn luyện Thể thao
3	7810301	Quản lý thể dục thể thao
4	7729001	Y sinh học thể dục thể thao

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ, trong đó có 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	4
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47
Các học phần bắt buộc	23
Các học phần tự chọn	18
Thực tập	6
Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	9
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

7.3. Tên văn bằng được cấp

Tiếng Việt: BẰNG THẠC SĨ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN (GIÁO DỤC THỂ CHẤT)

Tiếng Anh: THE DEGREE OF MASTER IN THEORY AND METHODOLOGY OF PHYSICAL EDUCATION

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	
		- Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	
2	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/vấn đáp/Tiểu luận...; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án.	60%

- Học phần thực tập chuyên môn

Sử dụng thang điểm 10 cho chấm bài báo cáo. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Học phần tốt nghiệp (Đề án)

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong đề cương chi tiết học phần.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và đánh giá tổng kết (Summative Assessment) và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN, TL			
I. Phần kiến thức chung					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K.LLC T-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					47					
II.1. Phần bắt buộc					23					
2	GDTC	81401	Sinh lý học thể dục thể thao	1	3	2	1		K.GDTC	
3	GDTC	81402	Y học thể dục thể thao	2	3	2	1		K.GDTC	
4	GDTC	81403	Đo lường thể dục thể thao	2	3	2	1		K.GDTC	
5	GDTC	81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	1	3	2	1		K.GDTC	
6	GDTC	81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1	3	2	1		K.GDTC	
7	GDTC	81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	3	3	2	1		K.GDTC	

8	GDTC	81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	2	2	2			K.GDTC	
9	GDTC	81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	1	3	2	1		K.GDTC	
II.2. Phần tự chọn (9/12 học phần)					18					
10	GDTC	81409	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
11	GDTC	81410	Giáo dục học thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
12	GDTC	81411	Quản lý thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
13	GDTC	81412	Xã hội học thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
14	GDTC	81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	2	2	1	1		K.GDTC	
15	GDTC	81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	2	2	1	1		K.GDTC	
16	GDTC	81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
17	GDTC	81416	Thể thao giải trí	3	2	1	1		K.GDTC	
18	GDTC	81417	Kinh tế học thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
19	GDTC	81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	3	2	1	1		K.GDTC	
20	GDTC	81419	Huấn luyện thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
21	GDTC	81420	Chính sách, chiến lược phát triển thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
II.3. Thực tập					6					
22	GDTC	81421	Thực tập 1	3	3		3		K.GDTC	
23	GDTC	81422	Thực tập 2	4	3		3	81421	K.GDTC	
II.4. Học phần tốt nghiệp (Đề án thực sĩ)					9				K.GDTC	
24	GDTC	81423	Đề án thực sĩ	2,3,4	9					
Tổng cộng					60					

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

TT	Mã HP	Tên HP	PLOs							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	XH501	Triết học	H		M				M	
2	GDTC81401	Sinh lý học thể dục thể thao		H	H	H	H		M	M
3	GDTC81402	Y học thể dục thể thao		H	H	H	H		M	M
4	GDTC81403	Đo lường học thể dục thể thao	M	M	H	H	H	H	H	H
5	GDTC81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	H	H	H	H	H		M	M
6	GDTC81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	H	H	H		H		M	M
7	GDTC81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	M	M	H	M	H		M	M
8	GDTC81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	H			H	H		H	H
9	GDTC81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	M	M	M	M	M		H	H
10	GDTC81409	Tâm lý học thể dục thể thao	M	M		M	H		M	M
11	GDTC81410	Giáo dục học thể dục thể thao	M	M	H	H	H	H	M	M
12	GDTC81411	Quản lý học thể dục thể thao	M	M	H	H	H		M	H
13	GDTC81412	Xã hội học thể dục thể thao	M	M	M	M	H		M	M
14	GDTC81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	M	M		H	H		H	H
15	GDTC81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	M	M	H	H	H		M	M
16	GDTC81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng Thể thao	M	M	H	H	H	H	H	H

17	GDTC81416	Thể thao giải trí	M	M	H	H	H	H	H	H
18	GDTC81417	Kinh tế học học thể dục thể thao	M	M	H	H	H		M	M
19	GDTC81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	M	M		M	M		M	H
20	GDTC81419	Huấn luyện thể thao	M	M	H	H	H		M	M
21	GDTC81420	Chính sách, chiến lược phát triển học thể dục thể thao	M			H	M		H	H
22	GDTC81421	Thực tập 1	M	M	M	M	M	M	M	M
23	GDTC81422	Thực tập 2	H	H	H	H	H	M	H	H
24	GDTC81423	Đề án thạc sĩ	H	H	H	H	H	M	H	H

(Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao)

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung				4						
1	XHTH	501	Triết học	4	4				1. PGS.TS. Đoàn Thế Hùng 2. TS. Tăng Văn Thanh 3. TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy	K.LLCT-L-QLNN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				47						
II.1. Bắt buộc				23						
2	GDTC	81401	Sinh lý học thể dục thể thao	3	3				1. TS. Hồ Minh Mộng Hùng 2. PGS.TS. Vũ Chung Thủy	K.GDTC
3	GDTC	81402	Y học thể dục thể thao	3		3			1. PGS.TS. Vũ Chung Thủy 2.TS. Hồ Minh Mộng Hùng	K.GDTC
4	GDTC	81403	Đo lường thể dục thể thao	2		2			1. PGS.TS. Nguyễn H. Minh Thuận 2. TS. Mai Thế Anh	K.GDTC
5	GDTC	81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	3	3				1.PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Thanh Hùng	K.GDTC
6	GDTC	81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	3				1.PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	K.GDTC

7	GDTC	81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	3		3		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Mai Thế Anh	K.GDTC
8	GDTC	81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	2		2		1. PGS.TS. Trần Quốc Tuấn 2. PGS.TS. Võ Nguyên Du 3. TS. Nguyễn Lê Hà	K.GDTC
9	GDTC	81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	3	3			1. PGS.TS. Võ Nguyên Du 2. PGS.TS. Trần Quốc Tuấn 3. TS. Nguyễn Lê Hà	K.GDTC
III.2. Tự chọn (chọn 9 học phần)				18					
10	GDTC	81409	Tâm lý học thể dục thể thao	2		2		1. TS. Hồ Minh Mộng Hùng 2. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn	K.GDTC
11	GDTC	81410	Giáo dục học thể dục thể thao	2		2		1. PGS.TS. Võ Nguyên Du 2. TS. Nguyễn Lê Hà	K.GDTC
12	GDTC	81411	Quản lý thể dục thể thao	2		2		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Sơn	K.GDTC
13	GDTC	81412	Xã hội học thể dục thể thao	2		2		1. TS. Đinh Anh Tuấn. 2. TS. Phan Thị Kim Dung 3. TS. Nguyễn Đình Khoa	K.GDTC
14	GDTC	81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	2		2		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	K.GDTC
15	GDTC	81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	2		2		1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	K.GDTC
16	GDTC	81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao	2		2		1. PGS.TS. Lưu Thiên Suong 2. TS. Mai Thế Anh	K.GDTC
17	GDTC	81416	Thể thao giải trí	2		2		1. PGS.TS. Nguyễn H. Minh Thuận. 2. TS. Mai Thế Anh	K.GDTC
18	GDTC	81417	Kinh tế học thể dục thể thao	2		2		1. TS. Nguyễn Sỹ Đức 2. TS. Mai Thế Anh	K.GDTC
19	GDTC	81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	2		2		1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	K.GDTC
20	GDTC	81419	Huấn luyện thể thao	2		2		1. TS. Hồ Minh Mộng Hùng 2. TS. Mai Thế Anh	K.GDTC

21	GDTC	81420	Chính sách, chiến lược phát triển thể dục thể thao	2			2		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Nguyễn Sỹ Đức	K.GDTC
II.3. Thực tập				6						
22	GDTC	81421	Thực tập 1	3			3		1. TS. Nguyễn Sỹ Đức 2. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Sơn	K.GDTC
23	GDTC	81422	Thực tập 2	3			3		1. TS. Nguyễn Thanh Hùng 2. TS. Mai Thế Anh 3. TS. Hồ Minh Mộng Hùng	K.GDTC
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)				9						
24	GDTC	81423	Đề án thạc sĩ	9			9			K.GDTC
Tổng cộng				60	16	16	16	12		

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khoá tuyển sinh thạc sĩ năm 2025 cho học viên cao học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất).

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý ngành và Khoa quản lý học phần tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật theo đúng quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất) trình độ thạc sĩ và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG *VB*



PGS. TS. Đoàn Đức Tùng